

Bản án số: 205/2024/HS-ST
Ngày: 09/04/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thu Thủy**.

Thẩm phán Bà **Nguyễn Bích Ngân**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Hồ Xuân Hương**

Ông Triệu Quang Định

Ông Nguyễn Ngọc Thiện

- Thư ký phiên tòa: **Nguyễn Việt Hùng** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Thái Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Sông A P**, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Bản C, xã L, huyện V, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: H'Mông; Tôn giáo: Không. Con ông: Sông A T và con bà: Giàng Thị P1; Có vợ: Vàng Thị S, sinh năm 1990; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, T1 giam: Không. (bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Trọng V, Công ty L, Đoàn luật sư T2, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Do không có việc làm ổn định ngày 17,18/7/2014 Ngô Thế H đi xe khách lên Sơn La tìm mua ma túy loại Hồng Phiến mang về Bắc Ninh bán kiếm lời. Thông qua mối quan hệ xã hội, H quen biết Sông A P, sinh năm 1990 nhà ở bản C, xã L, huyện V, Sơn La, P cho H số điện thoại 01245.145.433 để liên lạc; H lưu số điện thoại của P trong máy lắp sim số 0987.581.221 của H là “C”. Khoảng 15 giờ ngày 28/8/2014 H điện thoại cho P đặt mua 50 gói ma túy tổng hợp loại hồng phiến, mỗi gói khoảng 200 viên, tổng cộng khoảng 10.000 viên. P đồng ý bán cho H với giá 420.000.000 đồng. Sau đó H đi xe máy BKS 30C6-012.21 chở Vũ Thị Ánh N và Ngô Thiện B (là vợ, con H) đi cùng nhằm tránh sự chú ý của Cơ quan Công an. Khoảng 19 giờ ngày 28/8/2014 khi đi đến nhà hàng V1 thuộc xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình dừng xe ăn cơm và đổ xăng. Tại đây H nói cho N biết việc lên xã L, huyện V, Sơn La mua ma túy mang về bán kiếm lời, N đồng ý đi cùng H. Ăn xong H tiếp tục chở N lên nhà Sông A P ở xã L, huyện V, Sơn La, trên đường đi H đi lạc vào thị trấn M, Hòa Bình. H gọi điện thoại cho P xuống đón nhưng P không xuống mà hướng dẫn đường cho H tiếp tục đi. Khoảng 23h cùng ngày H đến gần nhà P nhưng bị ngã đổ, P ra kéo giúp và đưa H, N, B vào nhà ông Sông A T (là nhà bố P). Tại đây H đưa P 16.000 USD và 77.800.000 đồng (tương đương với 420.000.000 đồng) để mua 10.000 viên ma túy. P cầm tiền bảo H chờ và lái xe máy đi lấy ma túy. Khoảng 4h sáng ngày 29/8/2014 N ngủ dậy và gọi H đi về, nhưng H nói chưa mua được ma túy phải chờ vì đã đưa tiền cho P. Khoảng 4h30 P đi về và giao ma túy cho H 10.000 viên ma túy, H nhận số ma túy trên và cho vào túi đựng áo mưa rồi đưa cho N đeo ở người và đi xe máy chở vợ, con về, khi đi đến ngã tư V thuộc phường P, quận H, Hà Nội thì bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an T3 phối hợp với Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Bộ C và Công an phường P, quận H kiểm tra xe máy BKS 30C6-012.21 do Ngô Thế H, sinh năm 1990, trú tại số F khu A phố Đ, phường Đ, TP B, Bắc Ninh điều khiển, phía sau chở Vũ Thị Ánh N (vợ H) và cháu Ngô Thiện B, sinh ngày 23/01/2010 (là con của H, N) đi từ hướng Sơn La về Hà Nội, phát hiện và thu trên người Vũ Thị Ánh N 01 túi nilon màu xanh, kích thước (30x30)cm đeo trước ngực, bên trong có 50 túi nylon, chứa tổng cộng 9.484 viên nén (trong đó có 9.393 viên nén màu đỏ và 81 viên nén màu xanh) nghi là ma túy. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ của N, H 02 điện thoại di động lắp sim số 0987.581.221, 01232.547.282, 01275.760.955 cùng một số đồ vật tài liệu khác có liên quan.

Tại bản kết luận giám định số 8179/PC54 ngày 02/12/2014 của Phòng K - Công an thành phố T3 và Bản kết luận giám định số 6433/C54 ngày 26/12/2014 của V2 - Bộ C kết luận là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 909,80 gam, hàm lượng trung bình là 8,3%.

Ngày 14/10/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T3 ra quyết định khởi tố bị can, ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Sòng A P, nhưng P đã bỏ trốn khỏi địa phương, nên đã ra quyết định truy nã, quyết định tách vụ án, quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Sòng A P.

Tại bản án số 149/2015/HSST ngày 23/4/2015 Tòa án nhân dân TP Hà Nội áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 tuyên phạt Ngô Thế H 14 năm tù, Vũ Thị Ánh N 10 năm tù cùng về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, (áp dụng hàm lượng trong việc xác định khối lượng ma túy nguyên chất trong số ma túy thu giữ của N, H là $909,80 \text{ gam} \times 8,3\% = 75,5134 \text{ gam}$). Tại bản án số 106/2016/HSPT ngày 9/3/2016 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm giữ nguyên về hình phạt đối với Ngô Thế H và Vũ Thị Ánh N.

Ngày 15/10/2023 Sòng A P đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T3 đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Tại cơ quan điều tra Sòng A P khai ...phù hợp với lời khai của Ngô Thế H và Vũ Thị Ánh N. P khai: Sau khi cầm tiền của H, P đi ra khu vực bìa rừng giáp ranh với nước Lào gặp và mua của một người đàn ông không rõ danh tính, địa chỉ 10.000 viên ma túy về bán cho H và được hưởng lợi 5.000.000 đồng. Khoảng vài ngày sau biết tin Ngô Thế H bị bắt nên P đã bỏ trốn. Đến nay nhận thức được hành vi phạm tội nên P ra đầu thú để được hưởng khoan hồng của pháp luật.

Cáo trạng số: 49/CT-VKS-P1 ngày 29/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Sòng A P về tội: *Mua bán trái phép chất ma túy*, theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên Tòa bị cáo Sòng A P khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng nêu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm e khoản 4 Điều 194 BLHS năm 1999, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS năm 2015

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sông A P phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy.

Phạt: Bị cáo Sông P 20 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Sông A P: Bị cáo là người dân tộc thiểu số không biết chữ, là lao động chính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm m (phạm tội do lạc hậu) khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo hưởng mức án thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T3, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, của Điều tra viên, Kiểm sát viên:
Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đó thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về tội danh và hình phạt áp dụng với các bị cáo:

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, người làm chứng, kết luận giám định, Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, Kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 28/8/2014 vợ chồng Ngô Thế H và Vũ Thị Ánh N điện thoại và đến gặp Sông a P tại khu vực nhà bố đẻ P cùng địa chỉ, H đưa P 16.000 USD và 77.800.000 đồng (tương đương với 420.000.000 đồng) nhờ mua ma túy, Ngày 29/8/2014 Sông A P đã đến khu vực giáp danh với biên giới V - Lào mua của một đối tượng (không rõ danh tính, địa chỉ) 9.484 viên nén, tổng khối lượng 909,80gam ma túy loại Methamphetamine về bán cho Ngô Thế H và Vũ Thị Ánh N. Ngô Thế H và Vũ Thị Ánh N mang số ma túy trên về Bắc Ninh để bán kiếm lời, khi đi đến khu vực ngã tư V thuộc phường P, quận H, Hà Nội thì bị bắt quả tang. Khi biết Ngô Thế H và Vũ Thị

Ánh N bị bắt, Sông A P bỏ trốn, đến ngày 15/10/2023 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T3 đầu thú.

Đối với Ngô Thế H và Vũ Thị Ánh N, cơ quan điều tra đề nghị truy tố về tội *Mua bán trái phép chất ma túy* (theo khoản 4 điều 194 BLHS năm 1999); Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội truy tố về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm e khoản 4 điều 194 BLHS năm 1999. Tại bản án số 149/2015/HSST ngày 23/4/2015 Tòa án nhân dân TP Hà Nội áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 tuyên phạt Ngô Thế H 14 năm tù, Vũ Thị Ánh N 10 năm tù cùng về tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, (áp dụng hàm lượng trong việc xác định khối lượng ma túy nguyên chất trong số ma túy thu giữ của N, H là $909,80 \text{ gam} \times 8,3\% = 75,5134 \text{ gam}$). Tại bản án số 106/2016/HSPT ngày 9/3/2016 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã xét xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm giữ nguyên về hình phạt đối với Ngô Thế H và Vũ Thị Ánh N.

Căn cứ tiểu mục 1.4 mục 1 Thông tư liên tịch hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII “Các tội phạm về ma túy” của Bộ luật hình sự 1999 số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC- BTP ngày 24/12/2007 thì “Trong mọi trường hợp khi thu giữ được các chất nghi là chất ma túy hoặc tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thì đều phải trưng cầu giám định để xác định loại, hàm lượng, trọng lượng chất ma túy, tiền chất...”. Căn cứ vào trọng lượng 9.484 viên ma túy tổng hợp có tinh chất Methamphetamine, hàm lượng trung bình để tính ra số lượng ma túy các bị cáo mua bán phải chịu trách nhiệm hình sự là 75,5134gam Methamphetamine tinh chất, nên bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là phù hợp với quy định của pháp luật và văn bản hướng dẫn liên ngành, nên Hội đồng xét xử xét xử bị cáo theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Sông a P2 đã đủ yếu tố cấu thành tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. VKSND thành phố Hà Nội truy tố bị cáo theo điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là chưa chính xác

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét:

Tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo đồng phạm với Ngô Thế H và Vũ Thị Ánh N thực hiện hành vi phạm tội, H và Á đã bị xét xử. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến

chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác, bị cáo năng lực trách nhiệm hình sự nên phải chịu trách nhiệm hình sự do bị cáo gây ra

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi hành vi phạm tội phạm tội, bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ không được đi học nhà ở khu vực giáp biên giới Lào được coi là phạm tội do lạc hậu, sau khi phạm tội bỏ trốn bị truy nã nhưng sau đó đã ra đầu thú nên áp dụng điểm m, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2.2]. Các biện pháp tư pháp: Bị cáo mua ma túy cho vợ chồng Ngô Thế H, được đối tượng bán ma túy cho 5.000.000đ đây là tiền thu thời bất chính nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về án phí: Bị cáo tuyên có tội nên phải chịu án phí theo qui định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ: Điểm m khoản 2 Điều 194 BLHS 1999; điểm m, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Sông A P phạm tội: *Mua bán trái phép chất ma túy,*

Phạt: Bị cáo Sông A P 14 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Truy thu của bị cáo Sông A P số tiền 5.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

3.Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội (P2);
- Công an TP. Hà Nội;
- Cục T.H.A DS TP. Hà Nội;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu, lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Thủy